TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN-ĐIỆN NÔNG SƠN-TKV

Số: 2276 /QĐ-V.NSCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp
Đơn hàng: Mua sắm vật tư vận hành trạm xử lý nước thải mỏ

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN – TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/5/2021;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành quy chế quản lý công tác vật tư;

Căn cứ Quy trình số 1698/QĐ-V.NSCP ngày 17/7/2025 của Giám đốc công ty về việc ban hành quy trình quản lý, thực hiện công tác vật tư trong Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn-TKV;

Căn cứ Đơn hàng: Mua sắm vật tư vận hành trạm xử lý nước thải mỏ đã được phó Giám đốc phê duyệt;

Căn cứ dự toán đơn hàng và kế hoạch mua sắm vật tư đơn hàng: Mua sắm vật tư trạm xử lý nước thải mỏ do Tổ tư vấn lập;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp, Đơn hàng: Mua sắm vật tư vận hành trạm xử lý nước thải mỏ, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Giá trị dự toán: 154.602.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm lẻ hai nghìn) - Đã bao gồm thuế VAT. (Như phụ lục 01 đính kèm)*

2. Nguồn chi phí: Từ nguồn chi phí SXKD của Công ty.

3. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: *(Như phụ lục 02 đính kèm)*

Điều 2. Triển khai thực hiện:

- Phòng KĐV chủ trì tổ chức lựa chọn nhà thầu.
- Phòng KTT triển khai hợp đồng đã ký kết.

Điều 3. Trưởng các phòng: TCHC, KĐV, KTT, TCKT căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGĐ Nguyễn Trung Dũng, e-copy;
- Lưu VT, KĐV, BQT (9).

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4000463735-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN-TKV THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trần Hữu Thắng

PHỤ LỤC 01: DỰ TOÁN ĐƠN HÀNG

Đơn hàng: Mua sắm vật tư vận hành trạm xử lý nước thải mỏ

(Kèm theo Quyết định số: 2276 /QĐ-V.NSCP ngày 21/ 09/2026)

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Danh điểm, thông số kỹ thuật, số chế tạo hoặc quy cách	Đvt	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Nhà SX	Xuất xứ
1		Đầu đo PH (thiết bị phân tích PH)	- Dải đo pH: 0-14 Ph - Độ chính xác pH: ±0.05 Ph - Độ phân giải p H: 0.01 - Cấp bảo vệ: IP68 - Dải đo nhiệt độ: 0 ~ 80°C - Độ chính xác nhiệt độ: ±3% - Độ phân giải nhiệt độ: 0.1°C - Thời gian đáp ứng: ≤5 seconds - Áp suất chịu được tối đa: 3 bar - Chiều dài cáp cảm biến: 10m	Cái	1	21.872.000	21.872.000		
2		Đầu đo TSS (thiết bị phân tích TSS)	- Dải đo: 0-1000 mg/L - Độ chính xác: ±3% FS - Độ phân giải: 0.1 mg/L - Thời gian đáp ứng: ≤ 10s - Kích thước: Đường kính 30mm chiều dài 185 mm - Cáp cảm biến dài : 10 mét - Điều kiện làm việc: 0-60°C, 0-5bar	Cái	1	121.278.000	121.278.000		
3		Thi công lắp đặt, cài đặt thiết bị		Gói	1	0	-		
	Tổng trước thuế						**143.150.000**		
	Thuế VAT 8%:						**11.452.000**		
	Tổng giá trị:						**154.602.000**		

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Đơn hàng: Mua sắm vật tư vận hành trạm xử lý nước thải mỏ

(Kèm theo Quyết định số: 2276 /QĐ-V.NSCP ngày 21/ 09/2026)

STT	Tên gói cung cấp	Giá gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
I	**Phần công việc đã thực hiện**								
	Không có								
II	**Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà cung cấp**								
	Không có								
III	**Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp**	**154.602.000**							
1	Đơn hàng: Mua sắm vật tư vận hành trạm xử lý nước thải mỏ	**154.602.000**	Từ nguồn SXKD của công ty	Báo giá cạnh tranh rút gọn theo Quy trình số 1698/QĐ-V.NSCP ngày 17/7/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn-TKV	Theo khoản 2.3 Quy trình số 1698/QĐ-V.NSCP ngày 17/7/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn-TKV	Quý III/2026	Đơn giá cố định	60 ngày	
IV	**Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp**								
	Dự phòng								
	Tổng cộng:	**154.602.000**							